

Bản án số: 02 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sinh

2. Bà Hoàng Thị Tháo

- Thư ký phiên tòa: ông Ma Văn Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sái Văn K, sinh năm 1988.

Trú tại: thôn N3, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: bà Đỗ Thị Xuân, trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Lăng Thị N1, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Người giám hộ cho bị đơn: ông Lăng Chí L, sinh năm 1947 (có mặt)

Đều trú tại: thôn N4, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Lý Văn Trung, trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Sái Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh K và chị Lăng Thị N1 kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện N, tỉnh Bắc

Kạn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu đến khoảng tháng 02 năm 2011 thì anh K phát hiện chị N1 có những biểu hiện bất thường về sức khỏe; anh và gia đình đã đưa chị N1 đi khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn nhưng không phát hiện ra bệnh gì. Sau khi hết thời gian điều trị về nhà thì chị N1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, khi chị N1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì bố mẹ chị N1 đưa chị N1 đi khám bác sỹ kết luận chị N1 bị bệnh tâm thần. Năm 2020 anh K đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Lăng Thị N1 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và ngày 24/9/2020 Tòa án đã có quyết định tuyên bố chị Lăng Thị N1 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị N1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh K xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa người giám hộ cho bị đơn chị N1, ông Lăng Chí L là bố đẻ của chị N1 nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, con chung, tài sản và nợ chung. Quá trình chung sống giữa chị N1 và anh K không có mâu thuẫn. Nay anh K xin ly hôn với chị N1 thì không có ý kiến gì. Tuy nhiên ông L yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho chị N1 một lần với số tiền là 20.000.000,đ (hai mươi triệu đồng)

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Tại các biên bản xác minh: Biên bản xác minh ngày 10/3/2021 giữa Tòa án với trưởng thôn thôn N4, xã X; biên bản xác minh ngày 10/3/2021 giữa Tòa án với ông Lăng Văn Đ là anh trai và sống cùng gia đình chị N1; biên bản xác minh ngày 10/3/2021 giữa Tòa án với ông Sái Văn L1 là bố của anh K và sống cùng gia đình anh K; biên bản xác minh ngày 10/3/2021 giữa Tòa án với ông Sái Văn Hi là trưởng Ban mặt trận thôn N3, xã D, N, Bắc Kạn đều khẳng định năm 2011 chị N1 bị bệnh tâm thần và được gia đình chị N1 đưa về nhà bố mẹ chị N1 ở và anh K và chị N1 không ở với nhau từ đó cho đến nay.

Tại biên bản làm việc ngày 10/3/2021 giữa Tòa án với trạm y tế xã X xác nhận đến thời điểm hiện nay chị N1 vẫn chưa khỏi bệnh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản luận cứ bảo vệ gửi Tòa án có nêu: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người giám hộ cho bị đơn không có ý kiến gì khi anh K có đơn xin ly hôn với chị Lăng Thị N1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Có ý kiến ông Lãng Chí L là người giám hộ cho chị N1 không có ý kiến gì khi anh K có đơn xin ly hôn với chị Lãng Thị N1 nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Giữa anh K với ông L thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh Sái Văn K, cho anh K được ly hôn chị N1. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và người giám hộ cho bị đơn về khoản tiền cấp dưỡng một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn chị Lãng Thị N1 trú tại thôn N4, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn chị Lãng Thị N1 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐ-VDS ngày 24/9/2020, do vậy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành lấy lời khai của chị N1. Tại quyết định đã chỉ định ông Lãng Chí L là người giám hộ cho chị Lãng Thị N1 nên ông L tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ cho chị N1 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh K và chị N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống chị Lãng Thị N1 bị bệnh và đã được bố mẹ chị N1 đón về ở từ năm 2011 đến nay, anh K và chị N1 sống ly thân từ đó cho đến nay.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, đại diện của các đương sự; căn cứ vào các tài liệu do Tòa án tiến hành xác minh; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa thấy rằng chị N1 bị bệnh, vợ chồng đã có một thời gian dài sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau lẫn nhau, hôn nhân giữa anh K với chị N1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K đối với chị N1.

[3] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về cấp dưỡng của vợ chồng: Ông Lãng Chí L - người giám hộ cho bị đơn yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho chị N1 một lần với số tiền là 20.000.000,đ (hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa anh K nhất trí, đồng ý cấp dưỡng cho chị Lãng Thị N1 theo như yêu cầu của ông L

Xét thấy, nội dung thỏa thuận giữa nguyên đơn và người giám hộ cho bị đơn về vấn đề cấp dưỡng giữa anh K cho chị N1 sau khi ly hôn (do chị N1 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi) là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Nội dung ghi nhận cụ thể như sau: Anh Sái Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Lãng Thị N1 một lần với số tiền là 20.000.000,đ,. Xác nhận anh K đã trả được số tiền 10.000.000,đ cho chị Lãng Thị N1 (ông Lãng Chí L nhận) tại phiên tòa. Số tiền 10.000.000,đ còn lại anh Sái Văn K phải thanh toán cho chị N1 thông qua người giám hộ là ông L chậm nhất vào ngày 08/5/2021.

[7] Về án phí: Do nguyên đơn có đơn xin miễn án phí và là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ nên được miễn tiền án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 115, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Sái Văn K đối với chị Lãng Thị N1

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Sái Văn K được ly hôn với chị Lãng Thị N1

[1.2]. Về con chung: Không có

[1.3]. Về tài sản chung: Không có

[1.4]. Về nợ chung: Không có

[1.5] Về cấp dưỡng vợ chồng: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh K và người giám hộ cho bị đơn chị Lãng Thị N1 cụ thể như sau: Anh Sái Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Lãng Thị N1 với số tiền là 20.000.000,đ, phương thức cấp dưỡng một lần. Xác nhận anh K đã trả số tiền 10.000.000,đ cho chị Lãng Thị N1 (ông Lãng Chí L nhận) tại phiên tòa. Số tiền còn lại 10.000.000,đ anh K có

trách nhiệm thanh toán cho chị N1 thông qua người giám hộ là ông L chậm nhất vào ngày 08/5/2021.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, khoản tiền phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí ly hôn và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Sái Văn K. Trả lại số tiền 300.000, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06945 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn cho anh K

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người giám hộ của bị đơn. Nguyên đơn, người giám hộ của bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND huyện (02b);
- TAND tỉnh (01b);
- THA Dân sự huyện (01b);
- UBND xã D (01b);
- Người BVQVLIHP;
- Người giám hộ;
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu TA (01b).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lý Thị Luân

